TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16-01-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năm

Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 811/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Kim Y – sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn N – sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Kim Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh N sống chung năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc vào năm 2018. Hiện tại vợ chồng chị đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Có một người con chung là cháu Lê Kim C, sinh ngày 17/8/2018, cháu hiện đang sống cùng anh N. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Theo biên bản hòa giải ngày 07 tháng 01 năm 2020 và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị Y về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, hôn nhân là do anh tự nguyện lựa chọn không ép buộc. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau, anh không còn tình cảm với chị Y, đo đó anh đồng ý ly hôn với chị Y.

Về con chung: Có một người con chung là cháu Lê Kim C, sinh ngày 17/8/2018, cháu hiện đang sống cùng anh. Anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Lê Văn N có nơi trú tại 3, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Kim Y khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Lê Văn N, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Y là người khởi kiện, anh N là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự chị Y là nguyên đơn, anh N là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và chị N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 26/4/2018 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh N được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Y xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn và xác định hiện không còn tình cảm vợ chồng với chị Y. Tại phiên tòa, chị Y xác định nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Anh chị có một người con chung, cháu Lê Kim C, sinh ngày 17/8/2018, cháu hiện đang sống cùng anh N, anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C. Xét thấy, cháu C hiện còn nhỏ chưa đủ tuổi để ghi nhận nguyện vọng của cháu theo quy định pháp luật, do đó cần căn cứ vào điều

kiện cụ thể của các bên cũng như sự phù hợp cho việc phát triển của cháu để quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Anh N hiện là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu C từ khi hai vợ chồng ly thân nhau cho đến nay, hiện tại anh đang sống cùng với cha mẹ ruột là nơi mà cháu C ở từ lúc được sinh ra cho đến nay, anh có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định, chị Y hiện đi làm xa nhà, điều kiện không thuận lợi cho việc chăm sóc cháu C do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu C cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với sự phát triển của cháu và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con, đây là ý trí tự nguyện của anh nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y và anh N xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí*:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Kim Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, anh Lê Văn N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim Y về việc ly hôn với anh Lê Văn N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Kim Y và anh Lê Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Kim C, sinh ngày 17/8/2018 cho anh Lê Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Kim Y không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị Nguyễn Kim Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Kim Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003037 ngày 23 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, chị Nguyễn Kim Y không phải nộp tiếp.

Chị Nguyễn Kim Y, anh Lê Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT và THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND xã Khánh Bình Tây Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.